



shǒu xiān

首先

Pronoun · first

Example Sentences

shǒu xiān wǒ chī zǎo fàn

首先，我吃早饭。

First, I eat breakfast.

shǒu xiān qǐng yǔn xǔ wǒ jiè shào yí xià zì jǐ

首先，请允许我介绍一下自己。

First, please allow me to introduce myself.

shǒu xiān qǐng yǔn xǔ wǒ dài biǎo gōng sī huān yíng gè wèi de dào lái

首先，请允许我代表公司欢迎各位的到来。

First, please allow me to welcome everyone on behalf of the company.

Trace each character, then write the word on your own.

首	首	首	首	首	首	首	首	首	首	首
首										
先	先	先	先	先	先	先	先	先		